

**TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM - CTCP**  
**VIETNAM STEEL CORPORATION**



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**NĂM 2011**  
**(Từ 01/10/2011 đến 31/12/2011)**

**TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM - CTCP**

Trụ sở chính: 91 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 84. 4. 3856 1767

Fax: 84. 4. 3856 1815

Website: [www.vnsteel.vn](http://www.vnsteel.vn)

## MỤC LỤC

<b>I. SƠ LƯỢC VỀ TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM - CTCP .....</b>	<b>2</b>
1. Tên, địa chỉ của Tổng Công ty.....	2
2. Vốn điều lệ.....	2
3. Ngành nghề kinh doanh .....	2
4. Quá trình hình thành và phát triển.....	4
<b>II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....</b>	<b>7</b>
1. Những nét nổi bật trong công tác điều hành năm 2011 .....	7
2. Những định hướng quan trọng.....	8
<b>III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC .....</b>	<b>9</b>
1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2011 .....	9
2. Kế hoạch kinh doanh năm 2012.....	11
3. Chiến lược phát triển và tầm nhìn đến năm 2025.....	12
4. Thông tin cổ phần .....	13
<b>IV. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ .....</b>	<b>14</b>
1. Sơ đồ tổ chức.....	14
2. Hội đồng Quản trị .....	15
3. Ban Kiểm soát .....	17
4. Ban Tổng Giám đốc .....	20
5. Chính sách phát triển nguồn nhân lực .....	22
<b>V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2011.....</b>	<b>22</b>

## I. SƠ LƯỢC VỀ TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM - CTCP

### 1. Tên, địa chỉ của Tổng Công ty

Tên tiếng Việt : **TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM - CTCP**  
Tên tiếng Anh : **VIET NAM STEEL CORPORATION**  
Tên viết tắt : **VNSTEEL.CORP**  
Địa chỉ : 91 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại : 84. 4. 3856 1767  
Fax : 84. 4. 3856 1815  
Website : [www.vnsteel.vn](http://www.vnsteel.vn)

### 2. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ : 6.780.000.000.000 đồng (*sáu nghìn bảy trăm tám mươi tỷ đồng*)  
Số cổ phần : 678.000.000 cổ phần  
Mệnh giá cổ phần : 10.000 đồng

### 3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0100100047 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 05 tháng 02 năm 1996 (đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 29 tháng 9 năm 2011), Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP đăng ký các ngành nghề kinh doanh sau đây:

- Sản xuất sắt, thép, gang;
- Sản xuất sản phẩm chịu lửa;
- Quảng cáo;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;

- Điều hành tour du lịch;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác
- Tái chế phế liệu;
- Khai thác quặng sắt;
- Khai thác than mỡ và các nguyên liệu phụ trợ dùng cho công nghiệp sản xuất thép;
- Bán buôn phế liệu kim loại, cao su, xăng, dầu, mỡ, ga và các loại vật tư phụ tùng, thiết bị phục vụ cho sản xuất thép, xây dựng, giao thông, cơ khí và các ngành công nghiệp khác;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Sản xuất hóa chất cơ bản;
- Đại lý du lịch;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động;
- Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Hoạt động của các cơ sở thể thao;
- Xây dựng nhà các loại;
- Phá dỡ;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;

- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao;
- Đại lý;
- Hoạt động thể thao khác;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Rèn, dập, ép và cán kim loại, luyện bột kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Sản xuất máy luyện kim;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Dịch vụ logistic;
- Thiết kế, tư vấn thiết kế các công trình sản xuất thép, các công trình công nghiệp và dân dụng;
- Kinh doanh các nguyên nhiên liệu, nhiên liệu cán thép, phế liệu kim loại;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.

#### **4. Quá trình hình thành và phát triển**

##### **➤ Thành lập**

Tổng Công ty được hình thành qua các thời kỳ, gắn liền với sự phát triển của đất nước nói chung và ngành công nghiệp luyện kim nói riêng. Đó là sự kết hợp, sáp nhập, hợp nhất nhiều doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị trong ngành sản xuất thép và kinh doanh kim khí của Nhà nước trong những thập kỷ qua.

Thực hiện Quyết định số 91/TTg ngày 07 tháng 3 năm 1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc thí điểm thành lập Tập đoàn kinh doanh ở một số Bộ quản lý ngành kinh tế - kỹ thuật (gọi tắt là Tổng công ty 91), ngày 29 tháng 4 năm 1995, Thủ

tướng Chính phủ ký Quyết định số 255/TTg thành lập Tổng Công ty Thép Việt Nam trên cơ sở hợp nhất Tổng Công ty Thép Việt Nam thuộc Bộ Công nghiệp nặng và Tổng Công ty Kim khí thuộc Bộ Vật tư.

Nhiệm vụ chính của Tổng Công ty là xây dựng và phát triển mô hình kinh doanh đa ngành với hoạt động cốt lõi là sản xuất và kinh doanh sản phẩm thép. Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty bao gồm nhưng không hạn chế khai thác quặng sắt, than mỡ, nguyên liệu trợ dung; sản xuất gang, thép và các kim loại, sản phẩm thép; xuất nhập khẩu thép, vật tư thiết bị và trang thiết bị luyện kim, chuyển giao công nghệ và hỗ trợ kỹ thuật; thiết kế, chế tạo, thi công xây lắp trang thiết bị công trình luyện kim và xây dựng dân dụng; kinh doanh khách sạn, nhà hàng và vật tư tổng hợp; đào tạo nghề, nghiên cứu khoa học công nghệ; đầu tư, liên doanh, liên kết kinh tế và hợp tác lao động với nước ngoài.

#### ➤ **Cổ phần hóa**

Ngày 31/12/2009, Văn Phòng Chính phủ đã ban hành công văn số 373/TB-VPCP về việc thông báo kết luận của Thủ tướng: “Đồng ý cổ phần hóa Công ty mẹ của Tổng Công ty Thép Việt Nam, Nhà nước nắm giữ trên 65% vốn Điều lệ”.

Căn cứ nội dung nêu trên, ngày 15/01/2010 Bộ trưởng Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 0256/QĐ-BCT về việc cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Thép Việt Nam. Sau khi có Quyết định cổ phần hóa, Ban Chỉ đạo và Lãnh đạo Tổng Công ty Thép Việt Nam đã khẩn trương thực hiện việc xác định giá trị doanh nghiệp và xây dựng phương án cổ phần hóa theo lộ trình đã đề ra.

Ngày 18/4/2011, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 552/QĐ-TTg về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Thép Việt Nam. Thực hiện Quyết định nêu trên, Tổng Công ty Thép Việt Nam đã tiến hành bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng và tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần đầu để chuyển thành Tổng Công ty cổ phần. Kể từ ngày 29/9/2011, Tổng Công ty Thép Việt Nam đã chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100100047 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

**CÁC THÀNH TÍCH TIÊU BIỂU CỦA VNSTEEL**

**Huân chương  
Độc lập Hàng Nhất**



**Huân chương  
Độc lập Hàng Nhì**



**Huân chương  
Độc lập Hàng Ba**



**Anh hùng  
LLVT Nhân dân**



**Giải  
Quả Cầu Vàng**



**Hàng Việt Nam  
chất lượng cao**



**Cúp  
Ngôi sao chất lượng**



**Cúp  
Sen vàng**



**Cúp vàng thương hiệu ngành  
xây dựng Việt Nam**



➤ **Các dấu mốc lịch sử**

- 29/4/1995** Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 255/TTg thành lập Tổng Công ty Thép Việt Nam trên cơ sở hợp nhất và sáp nhập nhiều doanh nghiệp, đơn vị trong ngành sản xuất thép, trong đó có Tổng Công ty Thép Việt Nam thuộc Bộ Công nghiệp và Tổng Công ty Kim khí thuộc Bộ Thương Mại.
- 23/11/2006** Thành lập Công ty mẹ - Tổng Công ty Thép Việt Nam.
- 21/6/2007** Thủ tướng phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty mẹ - Tổng Công ty Thép Việt Nam.
- 01/7/2007** Chính thức đi vào hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Tổng Công ty Thép Việt Nam.
- 31/12/2009** Văn phòng Chính phủ ban hành Công văn số 373/TB-VPCP về việc thông báo kết luận của Thủ tướng: “Đồng ý cổ phần hóa Công ty mẹ của Tổng Công ty Thép Việt Nam, Nhà nước nắm giữ trên 65% vốn điều lệ”.
- 15/01/2010** Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Quyết định số 0256/QĐ-BCT về việc cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Thép Việt Nam.
- 29/9/2011** Tổng Công ty Thép Việt Nam chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần.

## **II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **1. Những nét nổi bật trong công tác điều hành năm 2011**

Trong năm 2011, chế độ họp của Hội đồng quản trị Tổng Công ty được thực hiện theo đúng Quy chế làm việc của Hội đồng quản trị và Điều lệ của Tổng Công ty. Mặc dù còn rất nhiều khó khăn trong năm 2011, song với tinh thần trách nhiệm cao, Hội đồng quản trị đã có nhiều cố gắng để lãnh đạo, chỉ đạo Tổng Công ty hoàn thành nhiệm vụ được giao; các Nghị quyết của Hội đồng quản trị được ban hành kịp thời, đúng quy định của pháp luật và Điều lệ của Tổng Công ty.

Hội đồng quản trị cũng thực hiện việc phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng, phù hợp với từng thành viên Hội đồng quản trị, từ đó đưa ra những nhận định kế hoạch kinh doanh kịp thời, sát với thực tế, đồng thời tổ chức triển khai kế hoạch một cách khoa học, cẩn trọng để mang lại hiệu quả và lợi ích cao nhất cho Tổng Công ty cũng như các cổ đông.

Kể từ sau Đại hội đồng cổ đông thành lập cho đến 31/12/2011, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Thép Việt Nam – CTCP đã ra quyết định thông qua một số vấn đề quan trọng sau:



- Ban hành các Quy chế nội bộ như: Quy chế Hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế Tài Chính, Quy chế bảo vệ bí mật và các thông tin kinh tế nội bộ, Quy chế Thi đua khen thưởng, Quy chế Văn thư lưu trữ, Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng khoa học công nghệ, Quy chế tiền lương, Quy chế khen thưởng sáng kiến, Quy chế vận hành hệ thống mạng và các thiết bị tin học...

- Ban hành các Nghị quyết về việc: Tăng vốn Điều lệ và bán cổ phần cho đối tác chiến lược; Tái cấu trúc một số Công ty con, Công ty liên kết.

(Thời gian Quý IV/2011 là khoảng thời gian ngắn, do vậy các công việc và các nội dung khác cần thiết cho hoạt động của Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP đã được hoàn thiện trong Quý I/2012).

## 2. Những định hướng quan trọng

Năm 2012 được dự báo sẽ tiếp tục là một năm đầy khó khăn của nền kinh tế Việt Nam, Chính phủ vẫn đặt mục tiêu hàng đầu là ổn định vĩ mô, kiềm chế lạm phát. Với những khó khăn trên sẽ ảnh hưởng bất lợi trực tiếp cho ngành thép nói chung và Tổng Công ty Thép Việt Nam – CTCP nói riêng. Các nhân tố ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm:

- Các yếu tố đầu vào sản xuất đều tăng giá: giá nguyên liệu thép, giá điện, giá nước, xăng dầu... làm ảnh hưởng trực tiếp đến giá thành sản xuất của Tổng Công ty;
- Các yếu tố khác như: tỷ lệ lạm phát cao, nhập siêu, bất ổn tỷ giá ngoại tệ và sự sụt giảm của thị trường bất động sản – nguồn tiêu thụ chính của ngành thép cũng làm hạn chế sức tiêu thụ của thị trường;

Trên cơ sở nhận định và đánh giá tình hình trên, nhằm khắc phục những khó khăn mà Tổng Công ty Thép Việt Nam – CTCP trong thời gian tới, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã xem xét các yếu tố vĩ mô và đề ra những định hướng quan trọng cho Tổng Công ty trong năm 2012 cụ thể như sau:

- Chú trọng vào chính sách bán hàng, kiểm soát và thu hồi nợ nhanh chóng để giảm áp lực tài chính cho Tổng Công ty;
- Quản lý hiệu quả chi phí tài chính nhằm giảm chi phí lãi vay, tái cơ cấu nguồn vốn;
- Quản lý hiệu quả chi phí hoạt động bằng cách tiết kiệm chi phí sản xuất, tiết kiệm chi phí bán hàng và tiết kiệm chi phí nhân sự;
- Quản lý tốt hoạt động mua hàng của Tổng Công ty bằng cách tìm nguồn cung cấp nguyên liệu và hàng hóa với giá cả hợp lý và chất lượng tốt;
- Tiếp tục vận hành các chính sách, quy định, quy trình hoạt động của các bộ phận tài chính, kinh doanh một cách hợp lý và hiệu quả;
- Đẩy mạnh công tác đào tạo và bồi dưỡng kiến thức nhằm tạo ra một đội ngũ nhân sự quản lý hiện đại.

### III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

#### 1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2011

##### 1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2011

Năm 2011 là một năm vô cùng khó khăn của nền kinh tế Việt Nam nói chung và của ngành Thép nói riêng. Những vấn đề lớn của kinh tế Việt Nam trong năm 2011 bao gồm lạm phát tăng cao, tỷ giá USD/VNĐ biến động mạnh làm tăng chi phí tài chính của doanh nghiệp do chênh lệch tỷ giá, lãi suất cho vay cao làm tăng chi phí vốn của doanh nghiệp và làm giảm khả năng tiếp cận vốn của doanh nghiệp... Chính sách vĩ mô chủ đạo trong năm 2011 là thắt chặt tiền tệ để chống lạm phát, đặc biệt là siết chặt tín dụng đối với lĩnh vực phi sản xuất. Ngoài ra, để chống lạm phát, Chính phủ cũng đã áp dụng chính sách cắt giảm đầu tư công. Trong bối cảnh đó, ngành bất động sản, nguồn tiêu thụ chính của ngành thép đã rơi vào trạng thái trầm lắng trong năm 2011.

Do chịu tác động của ngành bất động sản bị trầm lắng và chính sách cắt giảm đầu tư công của Chính phủ, nhu cầu tiêu thụ thép trong 6 tháng cuối năm 2011 giảm mạnh. Cụ thể, sản lượng thép tiêu thụ trong tháng 10 ở mức 326.000 tấn, giảm 29% so với năm trước, tháng 11 ở mức 330.000 tấn, giảm 37% so với năm trước, tháng 12 ở mức tương đương tháng 11 là 330.000 tấn, giảm 25% so với năm trước. Như vậy, sản lượng thép xây dựng tiêu thụ trong 6 tháng cuối năm 2011 chỉ ở mức 2,2 triệu tấn, giảm 13% so với năm trước và sản lượng thép xây dựng tiêu thụ cả năm 2011 chỉ ở mức 4,6 triệu tấn, giảm 5,5% so với năm trước. Ngoài ra, riêng với ngành Thép, Việt Nam vẫn còn phải nhập khẩu 70% - 80% thép phế liệu, gần 20% phôi thép và gần như toàn bộ thép cuộn cán nóng... nên những biến động về giá thép trên thế giới sẽ tiếp tục ảnh hưởng đến ngành thép Việt Nam.

Đối diện với những khó khăn trên, Ban Tổng Giám đốc liên tục chỉ đạo kịp thời và có những định hướng đúng đắn nhằm ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh. Kết quả kinh doanh năm 2011 cụ thể như sau:

*Đơn vị: triệu đồng*

#### KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ IV NĂM 2011

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	TH/KH
1.	Tổng doanh thu (Doanh thu thuần + Doanh thu tài chính + Doanh thu khác)	3.700.000	4.253.350	114,8%
2.	Tổng chi phí (Giá vốn + Chi phí bán hàng, quản lý + Chi phí tài chính + Chi phí khác)	3.520.000	4.247.316	120,8%
3.	Lợi nhuận trước thuế	180.000	6.034	3,3%
4.	Lợi nhuận sau thuế	150.000	6.034	4,0%

*Kết quả hoạt động SXKD năm 2011 của VNSTEEL mặc dù không đạt được hiệu quả như kế hoạch nhưng xét trong tình hình kinh tế hiện tại, hiệu quả hoạt động SXKD của Tổng công ty có lẽ là cố gắng rất lớn của tập thể Ban lãnh đạo và CBCNV của VNSTEEL.*

Đơn vị: tấn

**SẢN LƯỢNG SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ**

STT	Sản lượng	Kế hoạch 2011	KH Quý IV 2011	TH năm 2011	TH Quý IV 2011
<b>I.</b>	<b>Sản lượng sản xuất</b>	<b>585.000</b>	<b>155.000</b>	<b>508.847</b>	<b>104.894</b>
1.	Thép cán dài	400.000	107.500	392.375	73.780
2.	Thép cán dẹt	185.000	47.500	116.052	31.114
3.	Phôi thép	500.000	125.000	514.052	106.346
<b>II.</b>	<b>Sản lượng tiêu thụ</b>	<b>585.000</b>	<b>155.000</b>	<b>503.305</b>	<b>128.439</b>
1.	Thép cán dài	400.000	107.500	494.278	94.533
2.	Thép cán dẹt	185.000	47.500	129.174	33.906

Hoạt động SXKD của Tổng công ty trong năm 2011 gặp rất nhiều khó khăn, nguyên nhân chủ yếu là do thị trường thép nội địa liên tục bị suy giảm kể từ khi Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 24/02/2011 về các giải pháp kiềm chế lạm phát được triển khai thực hiện đã hạn chế sự tăng trưởng của thị trường bất động sản và tín dụng cũng như thu hẹp đối tượng tiêu dùng thép, ngoài ra các đơn vị còn phải đối mặt với những thách thức như: chi phí mua nguyên vật liệu trong nước và nhập khẩu liên tục tăng, tỷ giá biến động mạnh, chịu lãi suất cao, khó khăn về nguồn vốn...

Từ tháng 4/2011 hầu hết các đơn vị trong hệ thống Tổng công ty đều phải sản xuất cầm chừng và rất khó khăn trong việc duy trì hoạt động. Tính chung cả năm 2011, ước thực hiện các chỉ tiêu về SXKD của Công ty mẹ - Tổng Công ty như sau :

- Sản xuất phôi thép đạt 102,81%KH và tăng trưởng 5,12% so với năm 2010.
- Sản xuất và tiêu thụ thép cán dài đạt 110% kế hoạch và tăng trưởng 1% so với năm 2010.
- Sản xuất và tiêu thụ thép cán dẹt đạt 66% kế hoạch và không có tăng trưởng so với năm 2010.

Về nguyên nhân sản lượng thép cán dẹt của Công ty mẹ - Tổng Công ty liên tục sụt giảm từ năm 2009 cho tới nay chủ yếu là do:

- + Công tác dự báo thị trường còn hạn chế.
- + Thị trường thép cuộn cán nguội ngày càng cạnh tranh khốc liệt. Việc đối thủ Công ty Thép cán nguội Posco – Việt Nam với chính sách hỗ trợ giá linh hoạt cho khách hàng đã ảnh hưởng rất lớn đến tình hình tiêu thụ thép dẹt của Tổng Công ty.

Có thể nói năm 2011, các đơn vị SXKD trong hệ thống Tổng công ty cũng như Công ty mẹ gặp rất nhiều khó khăn, các nhà máy đều phải cắt giảm sản lượng sản xuất do sức

tiêu thụ quá chậm và yếu của thị trường, chưa kể sức ép phải giảm giá do cạnh tranh cao đã làm cho việc thực hiện kế hoạch đề ra năm 2011 là thấp và tăng trưởng không cao hoặc thậm chí không có tăng trưởng so với năm 2010.

Trước tình hình khó khăn chung của nền kinh tế nói chung và ngành thép nói riêng, để đạt được kết quả kinh doanh như trên, trong năm 2011 Ban Tổng Giám đốc đã đề ra một loạt các biện pháp kịp thời, cụ thể:

- Xây dựng chiến lược kinh doanh trung và dài hạn cho từng nhóm sản phẩm thép;
- Tổ chức các khóa đào tạo bồi dưỡng kiến thức nghiệp vụ cho cán bộ nhân viên trong Tổng Công ty;
- Giám sát và đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu phục vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh của từng phòng, ban trong Tổng Công ty thông qua việc kiểm soát việc thực hiện các mục tiêu, kế hoạch cụ thể của từng phòng, ban của Tổng Công ty;
- Tập trung đẩy mạnh sản xuất những mặt hàng có tỷ lệ lợi nhuận cao;
- Tập trung xây dựng định mức hàng tồn kho hợp lý, chặt chẽ nhằm tối ưu hóa nhu cầu vay ngắn hạn.

## **2. Kế hoạch kinh doanh năm 2012**

### **❖ Triển vọng ngành**

Năm 2012 được dự báo tiếp tục là một năm đầy khó khăn đối với kinh tế Việt Nam. Bên cạnh đó, Chính phủ sẽ tiếp tục mục tiêu ổn định chính sách kinh tế vĩ mô thông qua việc điều hành chính sách tiền tệ thắt chặt, kiểm soát và kiềm chế lạm phát, kiểm soát tỷ giá hối đoái, đồng thời chỉ duy trì tăng trưởng tín dụng ở mức 15% - 17%.

Trước những dự báo đầy khó khăn và chính sách vĩ mô thận trọng như trên, dự kiến GDP trong năm 2012 của sẽ đạt 6% - 6,5%. Với vai trò là nguồn nguyên liệu chính trong xây dựng, sản xuất thì ngành Thép được dự báo sẽ tiếp tục đối mặt với những diễn biến bất lợi, khó khăn từ những tác động bên trong lẫn bên ngoài, cụ thể như sau:

- Lãi suất cho vay có khả năng vẫn ở mức cao, do vậy những ngành hàng có đặc thù sử dụng vốn vay lớn, trong đó có ngành Thép sẽ phải chịu gánh nặng từ chi phí lãi vay, làm giảm lợi nhuận của doanh nghiệp;

- Chống lạm phát vẫn là trọng tâm trong việc điều hành kinh tế vĩ mô của Chính phủ trong năm 2012, tức là tín dụng cho lĩnh vực bất động sản tiếp tục bị thắt chặt, điều này đồng nghĩa với việc thị trường bất động sản sẽ tiếp tục trầm lắng trong năm 2012, bên cạnh đó, đầu tư công tiếp tục được duy trì ở mức thấp nên nhu cầu tiêu thụ thép sẽ sụt giảm và các doanh nghiệp trong ngành Thép rơi vào tình trạng cạnh tranh gay gắt hơn;

- Chi phí đầu vào như điện, nước, xăng dầu, thép phế liệu... biến động sẽ gây ra rất nhiều khó khăn cho các doanh nghiệp Thép.

Với những khó khăn trên, trong năm 2012 tăng trưởng ngành Thép được dự báo sẽ ở mức 4%, với tổng nguồn cung thép xây dựng ước đạt khoảng 7 triệu tấn, trong đó sản xuất trong nước ước đạt 5,7 triệu tấn.

### ❖ Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012

Căn cứ vào triển vọng ngành và năng lực sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty Thép Việt Nam – CTCP, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã đề ra kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012 như sau : (Đơn vị: tấn)

STT		Sản lượng
<b>I.</b>	<b>Sản lượng sản xuất</b>	<b>594.000</b>
1.	Thép cán dài	420.000
2.	Thép cán dẹt	174.000
3.	Phôi thép	550.000
<b>II.</b>	<b>Sản lượng tiêu thụ</b>	<b>594.000</b>
1.	Thép cán dài	420.000
2.	Thép cán dẹt	174.000

Bên cạnh đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cũng đã đưa ra các giải pháp cần thiết để hoàn thành mục tiêu đề ra trong năm 2012, cụ thể như sau:

- Phát huy tối đa sức mạnh của hệ thống lãnh đạo cấp cao trong Tổng Công ty để hoàn thành trách nhiệm đối với cổ đông, người lao động và Nhà nước. Nâng cao hiệu quả của việc phân cấp, ủy quyền trong các công việc cụ thể cho một số vị trí, đơn vị;

- Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng công tác lập kế hoạch, kiểm soát, giám sát việc thực hiện kế hoạch nhằm tối đa hóa các hoạt động sản xuất kinh doanh;

- Quản lý hiệu quả chi phí hoạt động bằng cách tiết kiệm chi phí sản xuất và tiết kiệm chi phí phân phối;

- Duy trì và không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, kiểm soát tốt chất lượng phôi thép trước khi sản xuất, quyết tâm giảm thiểu sản phẩm lỗi, hỏng. Tiếp tục đẩy mạnh sản xuất các sản phẩm thép Tổng Công ty có thế mạnh.

### 3. Chiến lược phát triển và tầm nhìn đến năm 2025

Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP đã xác định tầm nhìn và mục tiêu chiến lược đến 2025 là trở thành Tổng Công ty thép liên hợp hàng đầu Việt Nam với định hướng hoạt động chủ đạo là tập trung cho sản xuất kinh doanh ngành thép là ngành cốt lõi, đồng thời khai thác giá trị của các tài sản không cốt lõi để mở rộng sản xuất kinh doanh thép.

Để đạt được mục tiêu trên, Tổng Công ty Thép Việt Nam – CTCP đã xây dựng một chiến lược tổng thể là thiết lập một hệ thống sản xuất kinh doanh cốt lõi tích hợp từ nguyên liệu thô cho đến bán hàng và phân phối sản phẩm.

▪ Về danh mục sản phẩm – dẫn đầu ở các sản phẩm thép dài và thép dẹt với thị phần mục tiêu 40%

- Xây dựng danh mục sản phẩm cân đối giữa thép dài và thép dẹt, gắn chặt với các ngành có tốc độ tăng trưởng cao, cụ thể là các ngành xây dựng, vận tải, máy móc...

- Đối với sản phẩm thép dài: củng cố vị trí dẫn đầu ở sản phẩm thép dài thông thường và đa dạng hóa sang thép hình cỡ lớn/trung, nắm bắt cơ hội tăng trưởng từ các ngành xây dựng cao ốc, hạ tầng cơ sở và đóng tàu;

- Đối với sản phẩm thép dẹt: tập trung sản xuất và xác lập vị trí ở mảng HRC mở rộng sang các sản phẩm hạ nguồn (CRC và thép mạ) phục vụ các ngành công nghiệp và vận tải; XD vị thế ở mảng thép tấm để nắm bắt cơ hội ở các ngành đóng tàu và xây dựng.

▪ **Về công suất sản xuất thép – đạt khả năng cạnh tranh về chi phí và quy mô vận hành hiệu quả:**

- Tối đa hóa hiệu suất quy mô và tạo lập giá trị của các dự án sản xuất thép sử dụng nguồn quặng sắt từ các mỏ quặng sắt Quý Sa, Tiến Bộ và Thạch Khê;

- Tìm nguồn thép bán thành phẩm với chi phí cạnh tranh thông qua các hợp đồng nhập khẩu dài hạn từ các khu vực có sự dư thừa công suất như Nhật Bản và CIS; đồng thời tiếp tục theo đuổi các phương án sản xuất thép liên hợp để tự cung ứng nguồn phôi;

- Cải thiện hiệu suất vận hành với quy mô hiệu quả, chi phí thấp thông qua việc nâng cấp TISCO.

▪ **Về bán hàng và phân phối – đạt năng lực phân phối ưu việt và cung cấp các dịch vụ giá trị gia tăng**

- Thiết lập hệ thống bán hàng với độ phủ sâu và rộng trên phạm vi toàn quốc;

- Xây dựng hình ảnh thương hiệu mạnh của Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP trong tương tác với khách hàng;

- Cải thiện năng lực bán hàng, có chính sách định giá hợp lý, kỹ năng bán hàng và tiếp thị siêu việt với hệ thống quản lý khách hàng quan trọng;

- Tăng thêm các dịch vụ giá trị gia tăng, ví dụ: cắt, mạ thép...

Việc thực thi một chiến lược tổng thể này sẽ giúp Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP đạt được vị thế dẫn đầu ngành thép và tạo lập được giá trị cao cho doanh nghiệp.

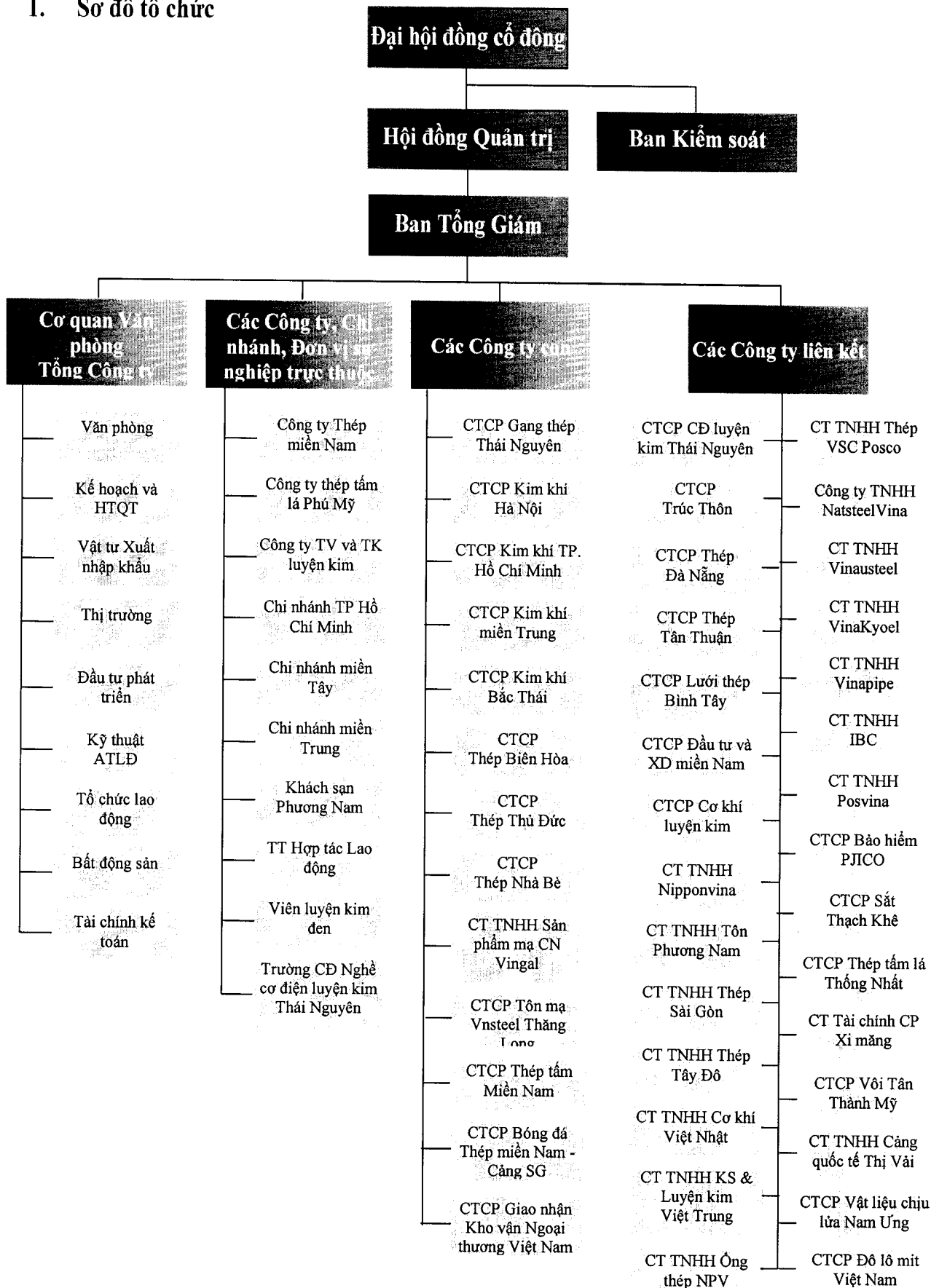
#### 4. Thông tin cổ phần

- **Vốn điều lệ** : 6.780.000.000.000 đồng
- **Cổ phiếu lưu hành** : 678.000.000 cổ phiếu
- **Cổ phiếu quỹ** : 0 cổ phiếu
- **Cơ cấu vốn cổ phần** (tại thời điểm ngày 31/3/2012)

Cổ đông	Số cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ
<b>I. Cổ đông tổ chức</b>			
1. Trong nước	21	673.954.034	99,4%
2. Nước ngoài	0	0	0,0%
<b>II. Cổ đông cá nhân</b>			
1. Trong nước	1.388	3.545.966	0,5%
2. Nước ngoài	1	500.000	0,1%
<b>Tổng số</b>	<b>1.410</b>	<b>678.000.000</b>	<b>100%</b>

## IV. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### 1. Sơ đồ tổ chức



## 2. Hội đồng Quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý của Tổng Công ty, chịu trách nhiệm triển khai các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Bên cạnh đó, Hội đồng quản trị có quyền quyết định và thực hiện tất cả các quyền nhân danh Tổng Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người do Đại hội đồng cổ đông bầu và miễn nhiệm. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 năm, thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với nhiệm kỳ không hạn chế và tuân theo nguyên tắc kế thừa, với số thành viên mới không quá 3/5.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thành lập Tổng Công ty Thép Việt Nam – CTCP ngày 20/9/2011 và căn cứ tình hình kinh doanh thực tế của Tổng Công ty, mức thù lao cho Hội đồng Quản trị trong Quý IV năm 2011 là: 414.000.000 đồng

### ▪ Thành viên Hội đồng Quản trị:

1. Ông Mai Văn Tinh - Chủ tịch Hội đồng Quản trị
2. Ông Lê Phú Hưng - Ủy viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc
3. Ông Vũ Bá Ôn - Ủy viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc
4. Ông Đặng Thúc Kháng - Ủy viên Hội đồng Quản trị
5. Ông Nguyễn Minh Xuân - Ủy viên Hội đồng Quản trị

#### ✦ Ông Mai Văn Tinh – Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Sinh năm: 11/12/1952

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư luyện kim, cử nhân luật

Kinh nghiệm công tác:

- Từ 1/1975: Công ty Gang thép Thái Nguyên
- Từ 4/1995: Tổng công ty Thép Việt Nam
- + 10/2001-10/2003: Giám đốc Công ty Kim khí TP Hồ Chí Minh.
- + Từ 9/2003: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Thép Việt Nam; 1/2006:

Bí thư Đảng ủy cơ quan Tổng công ty, Ủy viên BCS Đảng Tổng công ty.

- + 26/3/2007- Nay: Bí thư Đảng ủy Tổng công ty Thép Việt Nam; Chủ tịch HĐQT
- Chức vụ hiện nay đang nắm giữ tại ngân hàng và các tổ chức khác.

- Đơn vị công tác; chức vụ; các trách nhiệm chính

- + 10/2001-10/2003: Giám đốc Công ty Kim khí TP Hồ Chí Minh.

+ Từ 9/2003: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Thép Việt Nam; (1/2006: Bí

thư Đảng ủy cơ quan Tổng công ty, Ủy viên BCS Đảng Tổng công ty)

- + 26/3/2007- 30/9/2011: Bí thư Đảng ủy Tổng công ty Thép Việt Nam; Chủ tịch

Hội đồng quản trị Tổng công ty Thép VN

+ 9/2011 - nay: Bí thư Đảng ủy Tổng công ty Thép Việt Nam; Chủ tịch Hội đồng

quản trị Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP

#### ✦ Ông Lê Phú Hưng – Ủy viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Sinh năm: 16/01/1962

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện



Kinh nghiệm công tác:

- 1984 - 1990: Nhà máy Thép Tân Bình

(đã từng giữ chức vụ: Phó quản đốc phân xưởng luyện thép)

- 02/1990 - 8/1995: Kỹ thuật viên, Quản đốc phân xưởng Cơ điện nhà máy thép

Thủ Đức

- 09/1995 - 10/2006: Phó Tổng giám đốc - Công ty LD Tôn Phương Nam

- 11/2006 - 04/2007: Công ty thép Miền Nam

(đã từng giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc; Quyền Tổng giám đốc)

- Từ 01/5/2007 - nay: Tổng công ty Thép Việt Nam

(giữ các chức vụ: UV HĐQT, Phó Tổng giám đốc; Quyền Tổng giám đốc)

- Từ 5/2011: Tổng giám đốc Tổng công ty Thép Việt Nam.

- Chức vụ hiện nay đang nắm giữ tại ngân hàng và các tổ chức khác:

- Đơn vị công tác; chức vụ; các trách nhiệm chính:

+ 5/2007: Ủy viên HĐQT Tổng công ty, Phó Tổng giám đốc Tổng công ty

+ 5/2011: UV HĐQT, Tổng giám đốc Tổng công ty Thép Việt Nam

+ 9/2011 – nay: Phó Bí thư Đảng ủy, UV HĐQT, Tổng giám đốc Tổng công ty

Thép Việt Nam – CTCP

✦ **Ông Vũ Bá Ôn – Ủy viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc**

Sinh năm: 26/3/1958

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí động lực

Kinh nghiệm công tác:

- 02/1981 - 9/1985: Cán bộ kỹ thuật - Liên hiệp cung ứng Vật tư khu vực 4; Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Liên hiệp

- 10/1985 - 6/1988: Công ty Vật tư thứ liệu Trung ương

(đã từng giữ chức vụ Phó phòng Kỹ thuật - QLK)

- 7/1988 - 6/1999: Trưởng phòng Tổ chức Hành chính Công ty Vật tư thứ liệu Hà Nội (sau là Công ty Kinh doanh Thép và Vật tư Hà Nội); Ủy viên BCH Đảng ủy, Chủ tịch Công đoàn Công ty

- 7/1999 - 3/2004: Phó giám đốc, Phó Bí thư đảng ủy, Chủ tịch Công đoàn Công ty Kinh doanh Thép và Vật tư Hà Nội (sau là Công ty Kim khí Hà Nội); Ủy viên BCH đảng ủy Khối Công nghiệp Hà Nội, Ủy viên BCH Công đoàn Tổng công ty Thép Việt Nam

- 4/2004 - nay: Tổng công ty Thép Việt nam

(đã từng giữ các chức vụ: Chánh Văn phòng; Ủy viên BCH Công đoàn Tổng công ty; Trưởng phòng Tổ chức Lao động Tổng công ty; Phó bí thư đảng ủy Cơ quan Tcty, Ủy viên Ban cán sự đảng Tổng công ty; Phó tổng giám đốc Tổng công ty; Ủy viên BTV, Chủ nhiệm UBKT Đảng ủy Tổng công ty; từ tháng 4/2008 là Ủy viên BTV Công đoàn Tổng công ty)

+ 9/2010: Phó bí thư thường trực Đảng ủy Tổng công ty

+ 8/2011: Ủy viên Hội đồng quản trị Tổng công ty.

- 9/2011: Phó bí thư TT, UV HĐQT, Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Thép Việt Nam – CTCP.

✦ **Ông Đặng Thúc Kháng - Ủy viên Hội đồng Quản trị**

Sinh năm: 30/4/1958

Trình độ chuyên môn: cử nhân tài chính kế toán

Kinh nghiệm công tác:

- 6/1982-5/1985: Cán bộ Ban tài chính giá cả Sở Tài chính Lai Châu
- 6/1985-10/1985: Liên hiệp cung ứng VTKV4, Bộ Vật tư
- 11/1985-12/1990: Công ty Vật tư thứ liệu TW
- + 1987-1990: Phó phòng Tài chính kế toán
- 1/1991-Nay: Tổng công ty Kim khí, nay là Tổng công ty Thép Việt Nam
- + 1993-1998: Phó phòng TCKT - Tổng công ty Thép Việt Nam
- + 1/1999-8/2005: Trưởng phòng TCKT, Kế toán trưởng Tổng công ty
- + Từ 8/2005: Ủy viên HĐQT, Trưởng Ban Kiểm soát Tổng công ty.
- Từ 9/2011-nay: UV HĐQT Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP

✦ **Ông Nguyễn Minh Xuân – Ủy viên Hội đồng Quản trị**

Sinh năm: 06/4/1958

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Thạc sỹ quản trị kinh doanh

Kinh nghiệm công tác:

- 1981-1986: Xưởng phó xưởng gia công chế biến vật tư - LHCUVT khu vực V
- 9/1986-12/1994: Phó giám đốc, Giám đốc Công ty, Đảng ủy viên VTTL Đà Nẵng
- 12/1994-12/1996: Phó giám đốc - Công ty KK và VTTH miền Trung
- 01/1997-12/2003: Giám đốc Công ty VTTBCN ( Công ty KD thép và TBCN)
- 01/2004-12/2005: Giám đốc Công ty KK TP. HCM, Phó bí thư Đảng ủy Công ty
- 01/2006- nay: Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc Công ty CP KK TP. HCM, Phó bí thư Đảng ủy Công ty
- + Từ 03/2007: Ủy viên Hội đồng quản trị Tổng công ty Thép Việt Nam (từ 9/2011 là Tổng công ty Thép Việt Nam – CTCP)

### 3. Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu bằng hình thức bỏ phiếu trực tiếp tại Đại hội. Ban Kiểm soát bao gồm 05 thành viên, trong đó có 04 thành viên chuyên trách. Ban Kiểm soát có nhiệm kỳ 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban Kiểm soát là cơ quan giám sát của Đại hội đồng cổ đông, có quyền kiểm tra, giám sát mọi hoạt động của Tổng Công ty.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thành lập Tổng Công ty Thép Việt Nam – CTCP ngày 20/9/2011 và căn cứ tình hình kinh doanh thực tế của Tổng Công ty, mức thù lao cho Ban Kiểm soát trong Quý IV năm 2011 là: 249.000.000 đồng.

#### **Thành viên Ban Kiểm soát**

1. Ông Nguyễn Tiến Thắng - Trưởng Ban Kiểm soát
2. Ông Đỗ Hiếu Thuận - Ủy viên Ban Kiểm soát
3. Ông Đỗ Cao Cường - Ủy viên Ban Kiểm soát
4. Ông Nguyễn Văn Tráng - Ủy viên Ban Kiểm soát
5. Ông Hoàng Anh Tuấn - Ủy viên Ban Kiểm soát

#### **↓ Ông Nguyễn Tiến Thắng – Trưởng Ban Kiểm soát**

Sinh năm: 20/01/1956

Trình độ chuyên môn: cử nhân kinh tế

Kinh nghiệm công tác:

- Từ tháng 8/1973 đến tháng 11/1977 tham gia quân đội NDVN tại Lữ đoàn 299 Quân đoàn 1; (Năm 1975 thuộc Tiểu đoàn 2 tham gia chiến dịch Tây Nguyên và chiến dịch Hồ Chí Minh cùng Quân đoàn 3).

- Từ tháng 12/1977 đến tháng 9/1978 công tác tại Ủy ban Vật giá tỉnh Bắc Thái. Là nhân viên phòng nghiệp vụ UBVG tỉnh.

- Từ tháng 9/1978 đến tháng 2/1983 Sinh viên lớp Vật giá A khoá 20 trường Đại học Kinh tế kế hoạch Hà Nội và khoá sỹ quan dự bị của Trường sỹ quan Hậu cần.

- Từ tháng 3/1983 đến tháng 11/1987 công tác tại Ủy ban Vật giá tỉnh Bắc Thái. Từ tháng 9/1985 được bổ nhiệm Phó Trưởng phòng Giá Tư liệu Tiêu dùng của UBVG tỉnh Bắc Thái.

- Từ tháng 12/1977 đến 12/1990 công tác tại phòng kế toán tài vụ, Công ty Vật tư thứ liệu Trung ương. Là chuyên viên rồi Phó Trưởng phòng KTTV Công ty Vật tư thứ liệu Trung ương.

- Từ tháng 1/1991 đến tháng 9/1996 phụ trách kế toán tại Xí nghiệp KDKT Vật tư thứ liệu – Tổng công ty Kim khí sau đó chuyển đổi thành xí nghiệp Dịch vụ Vật tư Tổng Công ty Thép Việt Nam. Là Phó Trưởng phòng kế toán Xí nghiệp.

- Từ tháng 10/1996 đến tháng 8/2008 Là Ủy viên Ban kiểm soát Tổng công ty Thép Việt Nam.

- Từ Tháng 9/2008- 30/9/2011: Phó Trưởng phòng Tổ chức Lao động – Tổng công ty Thép Việt Nam, Đảng uỷ viên Đảng uỷ Tổng công ty.

- Từ 9/2011: Trưởng Ban kiểm soát Tổng công ty Thép Việt Nam – CTCP

#### **↓ Ông Đỗ Hiếu Thuận – Ủy viên Ban Kiểm soát**

Sinh năm: 01/02/1956

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Kinh nghiệm công tác:

- Từ 1974-1978: tham gia quân đội
- Từ tháng 11/1978-1986: xuất ngũ, đi học ngoại ngữ tại Đại học Tổng hợp TP. HCM; Học viện quan hệ quốc tế Matxcova
- Từ tháng 11/1987-11/1988: Tổng công ty xuất nhập khẩu khoáng sản
- Từ tháng 12/1988-3/1991: Tổng công ty Kim khí
- 4/1991-12/1997: Đại diện thương mại của Tổng công ty Thép VN tại Matxcova
- 01/1998-nay: Tổng công ty Thép Việt Nam
- + 11/2005: thành viên chuyên trách Ban kiểm soát Tổng công ty Thép VN
- Từ 9/2011: thành viên chuyên trách BKS Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP

✦ **Ông Đỗ Văn Cường – Ủy viên Ban Kiểm soát**

Sinh năm: 17/4/1976

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Thạc sỹ quản trị kinh doanh

Kinh nghiệm công tác:

- 01/1999-8/2000: Kế toán tại Công ty Xe máy - xe đạp Thống Nhất
- 8/2000-nay: Tổng công ty Thép Việt Nam  
(Chuyên viên phòng Tài chính kế toán; Từ 10/2005: Thành viên chuyên trách Ban kiểm soát Tổng công ty Thép Việt Nam)
- 9/2011: Thành viên chuyên trách BKS Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP

✦ **Ông Nguyễn Văn Tráng – Ủy viên Ban Kiểm soát**

Sinh năm: 15/5/1958

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư luyện kim đen

Kinh nghiệm công tác:

- 1984-1987: Nhà máy luyện thép Lưu Xá, Công ty GTTN
- 1987- 1988: Xí nghiệp XD Huyện Ứng Hoà, Hà Nội
- 1988-1991: Xí nghiệp CKNN Huyện Ứng Hoà, Hà Nội
- 11/1991-7/2006: Nhà máy luyện gang - Công ty GTTN  
(đã từng đảm nhận các công việc: phó ca, trưởng ca, trạm trưởng, phó quản đốc, phó phòng kỹ thuật)
- 7/2006-11/2007: Ban quản lý dự án Công ty Gang thép Thái Nguyên
- 11/2007-nay: thành viên chuyên trách Ban kiểm soát Tổng công ty Thép VN
- 9/2011: Thành viên chuyên trách BKS Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP

✦ **Ông Nguyễn Anh Tuấn – Ủy viên Ban Kiểm soát**

Sinh năm: 21/12/1979

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế

Kinh nghiệm công tác:

- 9/2002-3/2005: Ngân hàng Công Thương Việt Nam, cán bộ phòng định chế Tài chính và Ban QLDA hiện đại hoá

- 4/2005-10/2010: Ngân hàng Công Thương Việt Nam: đã giữ các chức vụ: Thư ký Tổng giám đốc, thư ký HĐQT, Phó phòng Đầu tư, Trưởng ban trù bị thành lập Công ty QLQ
- 11/2010-nay: Tổng giám đốc Công ty TNHH TMV Quản lý quỹ NHTMCP Công Thương Việt Nam.
- + 9/2011: thành viên Ban kiểm soát Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP

#### 4. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm sau khi đã bầu xong Chủ tịch Hội đồng quản trị. Tổng Giám đốc điều hành hoạt động hàng ngày của Tổng Công ty, là người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước pháp luật về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao.

Các Phó Tổng Giám đốc có trách nhiệm chủ động giải quyết các công việc được Tổng Giám đốc phân công và phối hợp thực hiện các công việc có liên quan; chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công.

##### ▪ Thành viên Ban Tổng Giám đốc

- |                          |                     |
|--------------------------|---------------------|
| 1. Ông Lê Phú Hưng       | - Tổng Giám đốc     |
| 2. Ông Nghiêm Xuân Đa    | - Phó Tổng Giám đốc |
| 3. Ông Vũ Bá Ôn          | - Phó Tổng Giám đốc |
| 4. Ông Nguyễn Trọng Khôi | - Phó Tổng Giám đốc |
| 5. Ông Trần Tất Thắng    | - Phó Tổng Giám đốc |
| 6. Bùi Văn Hùng          | - Phó Tổng Giám đốc |

##### ✚ Ông Lê Phú Hưng – Tổng Giám đốc

*(Chi tiết xem tại Mục 2 “Hội đồng Quản trị”)*

##### ✚ Ông Nghiêm Xuân Đa – Phó Tổng Giám đốc

Sinh năm: 29/5/1966

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế - tài chính

Kinh nghiệm công tác:

- 11/1990-11/1995: Viện nghiên cứu mỏ và luyện kim, nghiên cứu viên
- 12/1995-9/1996: chuyên viên, Ban quản lý dự án mỏ Thạch Khê, Tcty Thép VN
- 9/1996-9/1999: Phó trưởng Ban, Ban quản lý Dự án mỏ quặng sắt Thạch Khê,

Tcty Thép VN

- 9/1999-8/2005: phó trưởng phòng TCKT Tcty
- 8/2005-01/2006: Quyền Trưởng phòng TCKT
- 01/01/2006-nay: Trưởng phòng TCKT Tcty

\* 01/8/2006: Kế toán trưởng TCTy

- 01/9/2011: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Thép Việt Nam

- 10/2011- nay: Phó Tổng giám đốc - Tổng công ty Thép Việt Nam – CTCP

✚ **Ông Vũ Bá Ôn – Phó Tổng Giám đốc**

(Chi tiết xem tại Mục 2 “Hội đồng Quản trị”)

✚ **Ông Nguyễn Trọng Khôi - Phó Tổng Giám đốc**

Sinh năm: 20/10/1957

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư luyện kim

Kinh nghiệm công tác:

- 1975-1980: Sư đoàn 371 Không quân

- 8/1980-10/1985: Học tại Đại học Bách Khoa - Hà Nội

- 11/1985-6/2003: Công ty gang thép Thái Nguyên

+ 8/1990-1998: Phó giám đốc, Giám đốc Nhà máy luyện gang

+ 1/1999- 6/2003: Phó Tổng giám đốc - Công ty gang thép Thái Nguyên

- 7/2003- 30/9/2011: Phó Tổng giám đốc - Tổng công ty Thép VN

- 10/2011- nay: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Thép VN – CTCP

✚ **Ông Trần Tất Thắng - Phó Tổng Giám đốc**

Sinh năm: 24/11/1956

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư luyện kim đen

Kinh nghiệm công tác:

-Từ 1/1975-12/1976 Công ty Gang thép Thái Nguyên

-12/1979-3/2009: Nhà máy luyện thép:

+ 11/1988-11/1992: Phó quản đốc phân xưởng luyện thép

+ 11/1992-12/1993: Phó phòng kỹ thuật, Bí thư chi bộ cơ quan

+ 12/93-3/1999: Trưởng phòng kỹ thuật

+ 5/2000- 8/2002: Phó giám đốc

+ 8/2002-3/2009: Giám đốc nhà máy luyện thép

- Từ 4/2009-30/9/2011: Phó Tổng giám đốc - Tổng công ty Thép Việt Nam.

- 10/2011- nay: Phó Tổng giám đốc - Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP

✚ **Ông Bùi Văn Hùng – Phó Tổng Giám đốc**

Sinh năm: 30/8/1959

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư luyện kim

Kinh nghiệm công tác:

- 11/1983-10/1986: Kỹ sư cán thép – Nhà máy thép Nhà Bè

- 11/1986-5/1988: Phó quản đốc – PX cán thép – NM thép Nhà Bè

- 6/1988-9/1992: quản đốc PX cán thép – NM thép Nhà Bè

- 10/1992: phó phòng kỹ thuật cơ điện – NM thép Nhà Bè

- 11/1992-8/1998: Trưởng phòng Kỹ thuật cơ điện – NM thép Nhà Bè

- 9/1998-8/2003: Phó giám đốc NM thép Nhà Bè

- 9/2003-6/2007: Giám đốc NM thép Phú Mỹ
- 7/2007-11/2007: Giám đốc Công ty thép miền Nam
- 12/2007: Giám đốc Cty thép Biên Hoà
- 01/2008-10/2010: Tổng giám đốc Cty CP thép Biên Hoà
- 01/10/2010-30/9/2011: Phó Tổng giám đốc Tcty Thép Việt Nam
- 10/2011-nay: Phó Tổng giám đốc - Tổng công ty Thép Việt Nam – CTCP

## 5. Chính sách phát triển nguồn nhân lực

### ▪ Số lượng lao động

Tổng số lao động tại thời điểm 31/3/2012 là 1.440 người, trong đó:

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
<b>Phân theo trình độ</b>		
Cán bộ có trình độ đại học và trên đại học	576	40%
Cán bộ có trình độ cao đẳng và trung cấp	288	20%
Công nhân kỹ thuật	432	30%
Nhân viên phục vụ	144	10%
<b>Phân theo loại hợp đồng</b>		
Lao động hợp đồng không xác định thời hạn	932	65%
Lao động hợp đồng từ 1 - 3 năm	432	30%
Lao động hợp đồng dưới 1 năm	76	5%

### ▪ Chính sách lương, thưởng và phúc lợi

#### Chế độ lương và phụ cấp:

Tổng Công ty thực hiện việc chi trả lương theo các nội dung sau:

- Sau thời điểm chuyển sang CTCP, Tổng công ty đã đăng ký với Sở LĐTBXH Hà Nội và được chấp thuận tiếp tục thực hiện hệ thống thang, bảng lương đối với Công ty Nhà nước ( hạng đặc biệt ) theo Nghị định 204/NĐ-CP, Nghị định 205/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ.

- Vận dụng các quy định về chế độ chính sách tiền lương của Nhà nước như đối với Công ty TNHH 1 thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu, bao gồm: Xếp lương, thực hiện các khoản phụ cấp, chế độ nâng bậc lương, nâng ngạch lương và quản lý tiền lương, thu nhập theo các mức đơn giá tiền lương được giao, đảm bảo các điều kiện về hiệu quả và năng suất lao động.

#### Chính sách khen thưởng:

- Thực hiện chế độ thưởng từ quỹ lương đối với CBCNV có thành tích xuất sắc trong SXKD, được xây dựng và thực hiện thống nhất theo các quy chế nội bộ tại đơn vị.

- Thực hiện chế độ khen thưởng thành tích thi đua theo quy định tại Luật Thi đua khen thưởng.

- Chế độ thưởng sáng kiến tiết kiệm theo Quy chế của Tổng công ty.

**Bảo hiểm và phúc lợi:**

- Thực hiện đầy đủ các chính sách chế độ về BHXH, BHYT, BHTN theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

- Phối hợp với Cty BH Pjico triển khai gói Bảo hiểm sức khỏe 24/24 đối với toàn thể CBCNV Công ty mẹ.

- Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách phúc lợi đối với CBCNV: Nghỉ mát, thăm hỏi ốm đau, hiếu hỷ.....

**Chế độ nghỉ phép, lễ tết:**

- Thực hiện bố trí lao động nghỉ phép, lễ tết..... đúng ngày, hoặc luân phiên đảm bảo đúng chế độ quy định

▪ **Chính sách đào tạo nguồn nhân lực**

**Tuyển dụng:**

Mục tiêu tuyển dụng của Tổng Công ty là thu hút nhân sự có năng lực vào làm việc tại Tổng Công ty nhằm đáp ứng nhu cầu mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Tổng Công ty đề ra những tiêu chuẩn riêng, song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như: trình độ chuyên môn, tốt nghiệp đúng chuyên ngành, năng động, nhiệt tình, có ý thức sáng tạo... Đối với các vị trí quan trọng, thì có những tiêu chuẩn khắt khe về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích, quản lý....

**Đào tạo:**

Tổng Công ty luôn coi trọng nguồn nhân lực là tài sản quý giá nhất của doanh nghiệp và để phát huy hiệu quả nguồn vốn quý này, Tổng Công ty đã chú trọng việc đào tạo, phát triển nhân viên, luôn tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các khóa đào tạo nội bộ và bên ngoài để nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, nhằm đáp ứng yêu cầu công việc hiện tại cũng như trong tương lai của Tổng Công ty.

**V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2011:**

*(Xem trang tiếp theo)*



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN QUÝ IV/2011**  
(Báo cáo tài chính hợp nhất)

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2011 VND
<b>100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>11.779.754.196.901</b>
<b>110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>1.692.820.836.798</b>
111 1. Tiền		1.232.763.628.170
112 2. Các khoản tương đương tiền		460.057.208.628
<b>120 II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>4</b>	<b>64.200.068.195</b>
121 1. Đầu tư ngắn hạn		64.200.068.195
<b>130 III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>3.814.436.127.607</b>
131 1. Phải thu khách hàng		3.436.688.967.354
132 2. Trả trước cho người bán		346.025.772.800
135 5. Các khoản phải thu khác	5	102.471.751.452
139 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	6	(70.750.363.999)
<b>140 IV. Hàng tồn kho</b>	<b>7</b>	<b>5.484.097.383.940</b>
141 1. Hàng tồn kho		5.489.546.142.316
149 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(5.448.758.376)
<b>150 V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>724.199.780.361</b>
151 1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	31.301.263.184
152 2. Thuế GTGT được khấu trừ		347.856.745.141
154 3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	9	15.867.311.223
158 5. Tài sản ngắn hạn khác	10	329.174.460.813
<b>200 B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>14.451.535.556.015</b>
<b>210 I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>939.353.544</b>
211 1. Phải thu dài hạn của khách hàng		3.464.556.307
218 4. Phải thu dài hạn khác		1.134.638.867
219 5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)		(3.659.841.630)
<b>220 II. Tài sản cố định</b>		<b>10.194.644.803.579</b>
221 1. Tài sản cố định hữu hình	11	5.293.473.673.375
222 - Nguyên giá		10.061.954.079.554
223 - Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(4.768.480.406.179)
227 3. Tài sản cố định vô hình	12	969.785.636.233
228 - Nguyên giá		1.038.398.720.269
229 - Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(68.613.084.036)
230 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	3.931.385.493.971
<b>240 III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>14</b>	<b>130.742.639.967</b>
241 - Nguyên giá		141.623.274.876
242 - Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(10.880.634.909)

<b>250</b>	<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>15</b>	<b>3.183.590.381.277</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		2.594.093.201.910
258	3. Đầu tư dài hạn khác		623.576.793.570
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)		(34.079.614.203)
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>941.618.377.648</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	16	925.839.643.579
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	31.2	1.514.799.465
268	3. Tài sản dài hạn khác	17	7.538.483.106
<b>269</b>	<b>VI. Lợi thế Thương mại</b>		<b>6.725.451.498</b>
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>26.231.289.752.916</b>
<b>Mã số NGUỒN VỐN</b>		<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2011</b>
			<b>VND</b>
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>18.205.848.606.626</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>12.119.742.403.464</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	18	8.758.815.050.149
312	2. Phải trả người bán		2.042.553.733.251
313	3. Người mua trả tiền trước		41.356.511.815
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	87.089.045.028
315	5. Phải trả người lao động		189.530.319.991
316	6. Chi phí phải trả	20	192.778.863.453
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	21	729.794.828.620
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		2.031.909.250
323	11. Quỹ khen thưởng phúc lợi		75.792.141.907
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>6.086.106.203.162</b>
331	1. Phải trả dài hạn người bán		124.009.617
333	3. Phải trả dài hạn khác	22	647.789.525.460
334	4. Vay và nợ dài hạn	23	5.431.925.709.972
335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		901.202.386
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		3.115.637.312
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		2.250.118.415
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>6.772.714.622.046</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>24</b>	<b>6.772.714.622.046</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		6.780.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		9.639.333.917
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		77.023.546
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)		(2.543.916.027)
415	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		(2.603.866.266)
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		6.417.276.917
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		6.491.987.981
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		946.708.716
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		2.142.700.856
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(27.852.627.595)

439	C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	1.252.726.524.244
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	<u>26.231.289.752.916</u>

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH  
QUÝ IV NĂM 2011  
(Báo cáo tài chính hợp nhất)**

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/10/2011 đến 31/12/2011 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25 8.220.865.158.349
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	26 20.749.444.793
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	27 8.200.115.713.556
11	4. Giá vốn hàng bán	28 7.446.142.229.580
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	753.973.483.976
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	29 93.704.242.354
22	7. Chi phí tài chính	30 547.047.107.225
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	410.845.147.586
24	8. Chi phí bán hàng	70.432.404.766
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	218.761.650.659
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	11.436.563.680
31	11. Thu nhập khác	33.318.860.067
32	12. Chi phí khác	7.798.270.563
40	13. Lợi nhuận khác	25.520.589.504
45	14. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	(4.186.368.923)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	32.770.784.261
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	31.1 28.724.435.502
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	31.2 1.048.188.496
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	<u>2.998.160.263</u>
61	17.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	19.452.221.750
62	17.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	<u>(16.454.061.487)</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(24)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN QUÝ IV NĂM 2011**  
(Báo cáo tài chính Công ty mẹ - Tổng công ty)

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2011 VND
<b>100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>5.923.165.024.262</b>
<b>110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>965.686.292.808</b>
111 1. Tiền		636.715.067.808
112 2. Các khoản tương đương tiền		328.971.225.000
<b>120 II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>4</b>	<b>53.000.336.445</b>
121 1. Đầu tư ngắn hạn		53.000.336.445
<b>130 III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>1.872.546.152.580</b>
131 1. Phải thu khách hàng		1.589.820.520.165
132 2. Trả trước cho người bán		47.408.156.678
135 5. Các khoản phải thu khác	5	235.317.475.737
<b>140 IV. Hàng tồn kho</b>	<b>6</b>	<b>2.444.346.240.034</b>
141 1. Hàng tồn kho		2.444.346.240.034
<b>150 V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>587.586.002.395</b>
151 1. Chi phí trả trước ngắn hạn	7	23.664.173.102
152 2. Thuế GTGT được khấu trừ		287.590.398.890
154 3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	8	10.086.050.212
158 5. Tài sản ngắn hạn khác	9	266.245.380.191
<b>200 B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>10.022.662.239.563</b>
<b>220 II. Tài sản cố định</b>		<b>3.965.197.639.482</b>
221 1. Tài sản cố định hữu hình	10	3.126.292.096.421
222 - Nguyên giá		5.415.654.240.596
223 - Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(2.289.362.144.175)
227 3. Tài sản cố định vô hình	11	787.799.300.766
228 - Nguyên giá		795.875.069.045
229 - Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(8.075.768.279)
230 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	51.106.242.295
<b>250 IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>13</b>	<b>5.538.275.986.954</b>
251 1. Đầu tư vào công ty con		2.725.878.952.604
252 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		2.510.465.483.015
258 3. Đầu tư dài hạn khác		467.287.600.000
259 4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)		(165.356.048.665)
<b>260 V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>519.188.613.127</b>
261 1. Chi phí trả trước dài hạn	14	517.828.116.476
268 3. Tài sản dài hạn khác	15	1.360.496.651
<b>270 TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>15.945.827.263.825</b>

Mã số NGUỒN VỐN	Thuyết minh	<u>31/12/2011</u> VND
<b>300 A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>9.159.793.232.589</b>
<b>310 I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>6.287.329.692.031</b>
311 1. Vay và nợ ngắn hạn	16	4.406.510.016.895
312 2. Phải trả người bán		1.078.619.724.111
313 3. Người mua trả tiền trước		5.652.406.142
314 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	14.753.298.946
315 5. Phải trả người lao động		24.452.606.889
316 6. Chi phí phải trả	18	131.566.119.666
317 7. Phải trả nội bộ		-
319 9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	19	597.373.292.834
323 11. Quỹ khen thưởng phúc lợi		28.402.226.548
<b>330 II. Nợ dài hạn</b>		<b>2.872.463.540.558</b>
333 3. Phải trả dài hạn khác	20	631.094.940.713
334 4. Vay và nợ dài hạn	21	2.239.766.568.954
336 6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		(12.806.266)
338 8. Doanh thu chưa thực hiện		1.614.837.157
<b>400 B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>6.786.034.031.236</b>
<b>410 I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>22</b>	<b>6.786.034.031.236</b>
411 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		6.780.000.000.000
420 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		6.034.031.236
<b>440 TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b><u>15.945.827.263.825</u></b>

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
**QUÝ IV NĂM 2011**  
**(Báo cáo tài chính Công ty mẹ - Tổng công ty)**

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/10/2011 đến 31/12/2011 VND
01 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	4.132.765.633.538
02 2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24	17.234.044.739
10 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	25	4.115.531.588.799
11 4. Giá vốn hàng bán	26	3.920.223.155.617
20 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		195.308.433.182
21 6. Doanh thu hoạt động tài chính	27	119.856.652.494
22 7. Chi phí tài chính	28	255.718.230.588
23 - Trong đó: Chi phí lãi vay		223.871.342.729
24 8. Chi phí bán hàng		16.990.363.556
25 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		51.903.603.890
30 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		<b>(9.447.112.358)</b>
31 11. Thu nhập khác		17.962.277.105
32 12. Chi phí khác		2.481.133.511
40 13. Lợi nhuận khác		15.481.143.594
50 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		6.034.031.236
51 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.1	-
52 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-
60 17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u><u>6.034.031.236</u></u>
70 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	9

**VI. CÁC THÔNG TIN KHÁC:**

Tổng công ty thép Việt Nam – CTCP trở thành công ty đại chúng theo Công văn số 460/UBCK-QLPH ngày 20 tháng 02 năm 2012 của UBCK Nhà nước về việc chấp thuận đăng ký thông tin đại chúng của Tổng công ty. Theo quy định về công bố thông tin của công ty đại chúng, Tổng công ty thép Việt Nam – CTCP phải thực hiện công bố thông tin trên website của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, và các phương tiện thông tin đại chúng khác, các thông tin về Tổng công ty Thép Việt Nam – CTCP được cập nhật và công bố kịp thời trên website của Tổng công ty: [www.vnsteel.vn/](http://www.vnsteel.vn/).

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

